

Số: /KH-UBND

Phú Thọ, ngày tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của tỉnh Phú Thọ (sau hợp nhất)

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết số 57-NQ/TW*); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết số 71/NQ-CP*); Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Thọ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (sau đây gọi tắt là *Chương trình hành động số 02-CTr/TU*).

Trên cơ sở đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 82/TTr-SKHCN ngày 15/10/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Kế hoạch thực hiện trên địa bàn tỉnh với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU của Tỉnh ủy, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; bảo đảm tính khả thi, huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và Nhân dân; phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, tạo bước phát triển bứt phá, nhanh và bền vững trong kỷ nguyên chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

- Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, có tính đột phá của tỉnh để lồng ghép, cụ thể hóa trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án của từng ngành, từng địa phương; qua đó tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần hình thành động lực mới, tạo nền tảng vững chắc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững của tỉnh.

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp, kết quả, sản phẩm, tiến độ thực hiện cụ thể của các Sở, ban, ngành và phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng cơ

quan, đơn vị; tăng cường công tác tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả, bảo đảm hoàn thành toàn diện, đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả các mục tiêu đề ra.

2. Yêu cầu

- Tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm từ cấp tỉnh đến cơ sở; xác định rõ các nội dung mang tính đột phá, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ, phù hợp với điều kiện của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và điều chỉnh linh hoạt trong quá trình thực hiện; định kỳ hằng năm tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời đề xuất bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Ưu tiên hoàn thiện đồng bộ hạ tầng, cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế, tăng cường kết nối hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hình thành các mô hình, sản phẩm, dịch vụ mới mang tính đặc trưng, lợi thế của tỉnh.

- Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm toàn diện; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức gương mẫu, tiên phong, góp phần tạo sự thống nhất, đồng thuận và quyết tâm cao trong toàn hệ thống chính trị.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

- Phát triển toàn diện, đồng bộ tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh, tạo nền tảng quan trọng nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của nền kinh tế, đồng thời thúc đẩy phát triển văn hóa - xã hội, hướng tới tăng trưởng nhanh, bền vững và toàn diện.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng trong các lĩnh vực chủ lực; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D) gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và các địa phương trong tỉnh.

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tỉnh Phú Thọ hiện đại, minh bạch, hiệu quả, an toàn thông tin, an ninh mạng; cung cấp dịch vụ số thuận tiện, lấy người dân làm trung tâm; tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của toàn

xã hội; thúc đẩy liên kết vùng, hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể:

Gồm có 03 nhóm mục tiêu (Mục tiêu đến hết năm 2025, mục tiêu đến năm 2030 và mục tiêu đến năm 2045), trong đó có các chỉ tiêu cụ thể và phân công trách nhiệm các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện, theo dõi, đánh giá (*chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch*).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao (*theo phân công chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch*) tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp.

1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp chung

1.1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, thể hiện quyết tâm chính trị cao; lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, tạo xung lực và khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tổ chức học tập, tuyên truyền, quán triệt sâu rộng, thường xuyên các Nghị quyết 57-NQ/TW, 71/NQ-CP, Chương trình hành động 02-CTr/TU và văn bản liên quan đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người dân bằng nhiều hình thức. Biên soạn tài liệu, cẩm nang về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để tiếp cận; mời chuyên gia có kinh nghiệm tham gia chia sẻ, trao đổi.

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết cho từng giai đoạn (2025, 2030, 2035, 2040, 2045), xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nguồn lực thực hiện; phân công rõ trách nhiệm đơn vị chủ trì và phối hợp từng nhiệm vụ.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW; lấy kết quả triển khai làm tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng hằng năm cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin; đa dạng hình thức, xây dựng chuyên mục, chương trình phù hợp từng đối tượng. Kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, tiêu chí đánh giá, đo lường và công bố định kỳ.

- Bố trí tỷ lệ tối thiểu 25% cán bộ có chuyên môn khoa học, kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.

- Phát động phong trào học tập số trên các nền tảng trực tuyến, hình thành phong trào “Bình dân học vụ số”, “học tập số” thường xuyên, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cho người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và kỹ năng, công nghệ số phục vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng nền tảng, công cụ số để đo lường trực tuyến mức độ hoàn thành chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Phát động phong trào thi đua toàn tỉnh, phát huy sức mạnh hệ thống chính trị và sự tham gia của doanh nghiệp, Nhân dân trong chuyển đổi số. Biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích, sáng kiến, giải pháp hiệu quả; tổ chức các cuộc thi, phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng và quảng bá thương hiệu tỉnh về đổi mới sáng tạo.

1.2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ rào cản, đưa thể chế thành lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 từ cấp tỉnh đến cơ sở; phân công rõ nhiệm vụ, xây dựng chương trình công tác hằng năm.

- Tham mưu sửa đổi, bổ sung, ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ tài chính, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư R&D, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số; rà soát, tháo gỡ rào cản về thể chế, chính sách, nhân lực. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư tư nhân; đổi mới phương thức đầu tư PPP cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; khuyến khích thành lập doanh nghiệp, quỹ phát triển khoa học - công nghệ; ưu tiên ngân sách cho nhiệm vụ trọng điểm, dự án chuyển đổi số; tăng cường xã hội hóa nguồn vốn đầu tư.

- Xây dựng cơ chế chuyển giao, thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có kiểm soát rủi ro; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Hàng năm, công bố danh mục lĩnh vực ưu tiên, công nghệ chiến lược, dự án trọng điểm, khu vực tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư.

- Thúc đẩy hợp tác, kết nối, thu hút doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư nghiên cứu, sản xuất, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tạo điều kiện cho doanh nghiệp công nghệ hàng đầu đặt trụ sở tại tỉnh.

- Bố trí, lồng ghép các nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai kế hoạch; tăng tỷ lệ chi ngân sách cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo quy định.

- Đơn giản hóa thủ tục, hồ sơ, thanh quyết toán hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, giao quyền tự chủ sử dụng kinh phí; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ gắn với chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng.

1.3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng năng lượng mới, năng lượng sạch, bảo đảm an ninh năng lượng, phục vụ phát triển khoa học, công nghệ và các ngành công nghiệp chiến lược; quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên khoáng sản.

- Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn, an ninh; lồng ghép quy hoạch hạ tầng số vào Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch kỹ thuật; ưu tiên khu vực trọng điểm, phát triển nền tảng dùng chung, chia sẻ hạ tầng; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung ương; ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ lãnh đạo, điều hành.

- Đầu tư hạ tầng công nghệ số cho các lĩnh vực du lịch, nông nghiệp, giáo dục, y tế, đô thị, môi trường; phát triển thanh toán số, kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Xây dựng chương trình, đề án trọng điểm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên nguồn kinh phí cho nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới, IoT, công nghệ tiên tiến vào các lĩnh vực thể mạnh, sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Đầu tư xây dựng Trung tâm Khoa học - Công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phòng đo lường, thử nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025; Trung tâm dữ liệu số và sàn giao dịch công nghệ phục vụ tỉnh và khu vực.

- Khuyến khích tổ chức khoa học, doanh nghiệp trong nước, FDI đầu tư phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo hướng chuyển đổi số; bảo đảm cập nhật thường xuyên, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (5G, 6G, cáp quang) đến vùng sâu, vùng xa; nâng cấp đường truyền cho cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, các khu vực công cộng,...

- Đẩy mạnh triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số trong toàn tỉnh; hoàn thiện hệ thống thông tin, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử, số hóa hồ sơ thủ tục hành chính.

- Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh theo hướng hiện đại, kết nối Trung ương; hoàn thiện, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích, khai thác dữ liệu; hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp, khu công nghệ cao.

- Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh, kết nối với IOC quốc gia, phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Thu hút doanh nghiệp đầu tư, triển khai giải pháp công nghệ tiên tiến phát triển hạ tầng số của tỉnh.

- Phát triển Trường Đại học Hùng Vương theo định hướng ứng dụng nghề nghiệp, đạt tiêu chí hội nhập khu vực và quốc tế vào năm 2030; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, đào tạo nhân lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ của tỉnh.

1.4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Triển khai các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 09/7/2024 của Chính phủ và các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đã phê duyệt, tập trung vào nhân lực công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

- Ban hành chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thiết lập mạng lưới chuyên gia, trí thức trong và ngoài nước; xây dựng cơ sở dữ liệu nhân lực, kết nối với hệ thống quốc gia.

- Phổ cập kỹ năng về trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu cho thanh thiếu niên; tổ chức cuộc thi, giải thưởng khoa học công nghệ tìm kiếm nhân lực trẻ; đào tạo chứng chỉ ngắn hạn, trung hạn về AI cho học sinh, sinh viên, người lao động.

- Đổi mới chương trình, phương pháp đào tạo đại học, cao đẳng, dạy nghề của tỉnh theo nhu cầu thị trường; tăng cường đào tạo nhân lực phục vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số ở các lĩnh vực trọng điểm.

- Tăng cường đào tạo kỹ năng số, kiến thức công nghệ mới; triển khai mô hình trường học thông minh, học liệu số; khuyến khích nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp sáng tạo trong học sinh, sinh viên.

- Hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước; hiện đại hóa chương trình, phương thức đào tạo, ứng dụng AI, điện toán đám mây; mời chuyên gia, doanh nhân giảng dạy, hỗ trợ nghiên cứu, thực tập.

- Xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng số cho lãnh đạo các cấp; lồng ghép nội dung chuyển đổi số trong đào tạo cán bộ; phối hợp doanh nghiệp công nghệ, tổ chức quốc tế tổ chức trao đổi, thực hành, tập huấn định kỳ.

1.5. Tập trung nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ trọng điểm; Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ và kinh tế số trong các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, quản lý và đời sống xã hội; thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, hình thành nền sản xuất và công nghiệp

hiện đại; Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT) trong quản lý, sản xuất, cung cấp dịch vụ công và thương mại điện tử; phát triển các công cụ, nền tảng số và công nghệ lõi nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của một số ngành, lĩnh vực; Bảo tồn và phát huy giá trị các sản phẩm văn hóa - du lịch, gắn với đổi mới sáng tạo và phát triển hạ tầng du lịch thông minh; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế để gìn giữ bản sắc văn hóa và tạo nguồn thu bền vững từ du lịch - dịch vụ.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia (QĐ số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020), phấn đấu đến năm 2030, 100% hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị thực hiện trên môi trường số.

- Đầu tư nghiên cứu, phát triển sản phẩm AI phục vụ quản lý, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; ứng dụng khoa học, công nghệ hỗ trợ ra quyết định trong cơ quan nhà nước.

- Triển khai Trung tâm điều hành thông minh tăng cường quản trị, giám sát, cảnh báo, phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, đơn giản hóa thủ tục hành chính; ứng dụng công nghệ số tự động hóa quy trình, gắn trách nhiệm người đứng đầu trong triển khai dịch vụ công trực tuyến.

- Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số; triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

- Xây dựng văn hóa số gắn với gìn giữ bản sắc dân tộc; triển khai quy tắc ứng xử trên không gian mạng; phát triển sản phẩm văn hóa số tích cực, kiểm soát nội dung độc hại, bảo vệ trẻ em và người yếu thế.

- Ứng dụng nền tảng số giám sát tài nguyên, nông nghiệp, môi trường; phát triển hệ thống thông tin địa lý.

- Ứng dụng AI trong phân tích, dự báo kinh tế - xã hội, thiên tai, môi trường, an ninh trật tự.

- Chuyển đổi số khu, cụm công nghiệp theo hướng thông minh, ứng dụng IoT.

- Xây dựng đề án ứng dụng AI dựa trên dữ liệu lớn cho các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ hỗ trợ ra quyết định trong hoạt động quản lý nhà nước.

- Triển khai kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

- Triển khai chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số có mục tiêu lượng hoá cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu, xây dựng tiêu chí đánh giá, công bố kết quả định kỳ.

- Triển khai các tiêu đề án phục vụ chuyển đổi số gắn Đề án 06: định danh địa điểm, sàn giao dịch việc làm, bất động sản, thương mại điện tử, phát triển du lịch thông minh, chống thất thu thuế.

- Thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử, sử dụng định danh và xác thực điện tử trong giao dịch.

- Xây dựng nền tảng số phòng, chống tội phạm mạng; củng cố lực lượng an ninh mạng; bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin; phát triển sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng trong nước; chủ động phát hiện, ngăn chặn tấn công mạng, bảo vệ chủ quyền số.

1.6. Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

- Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã đầu tư chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo; triển khai nền tảng, ứng dụng mở về AI.

- Thúc đẩy chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực thông qua doanh nghiệp FDI; hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài.

- Ban hành cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, hợp tác, tiếp nhận chuyển giao công nghệ số trong và ngoài nước.

- Đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo bộ tiêu chí Trung ương; triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.

- Công bố các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo để doanh nghiệp công nghệ số tham gia giải quyết.

- Thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ số; nâng cao kỹ năng số và niềm tin số cho người dân, tạo điều kiện giao dịch trực tuyến an toàn.

1.7. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng và quốc tế

- Tăng cường hợp tác với các tỉnh, tổ chức, cá nhân có năng lực để giải quyết các bài toán lớn về hạ tầng số, logistics, chuỗi giá trị; tổ chức diễn đàn, hội nghị, hội thảo thường niên về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thúc đẩy kết nối Nhà nước - doanh nghiệp - viện - trường - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

- Tăng cường phối hợp với các trường, viện nghiên cứu trong và ngoài nước thực hiện chương trình khoa học, phát triển nhân lực, xây dựng đội ngũ chuyên gia; huy động hỗ trợ từ các bộ, ngành, tổ chức trong và ngoài nước cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tích cực tham gia hợp tác, trao đổi quốc tế về nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, trí tuệ nhân tạo; gắn hợp tác khoa học với hợp tác kinh tế.

- Thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn lực nước ngoài và đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ.

- Tăng cường hợp tác với trí thức, chuyên gia người Việt Nam ở nước ngoài trong nghiên cứu, chuyển giao, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo ở các lĩnh vực

1.8. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ

- Thiết lập cơ chế giám sát, kiểm tra, đánh giá thường xuyên việc triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; định kỳ rà soát, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị theo phân công.

- Xây dựng và vận hành hệ thống giám sát, đánh giá trực tuyến trên nền tảng số; công khai các chỉ số, kết quả thực hiện của các sở, ngành, xã, phường; bảo đảm tính minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình và tạo động lực thi đua giữa các đơn vị.

- Tổ chức các cuộc kiểm tra chuyên đề, đánh giá độc lập hoặc mời đơn vị tư vấn, chuyên gia tham gia giám sát, đánh giá các chương trình, dự án trọng điểm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Lấy kết quả giám sát, kiểm tra làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xét thi đua, khen thưởng hằng năm; đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp chậm tiến độ, thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm quy định.

2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

Xác định, ưu tiên triển khai một số lĩnh vực mang tính đột phá để phục vụ người dân, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời, xây dựng Chương trình phát triển khoa học và công nghệ trọng điểm, đột phá công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ và ứng dụng các công nghệ mới thúc đẩy phát triển một số lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh, gồm:

- Lĩnh vực Cải cách hành chính: Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; chuyển mô hình phục vụ trực tuyến 24/7; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong các lĩnh vực thiết yếu; tăng cường thanh toán điện tử, định danh và xác thực số. Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại hỗ trợ người dân, doanh nghiệp; cán bộ, công chức trong quá trình nộp hồ sơ, tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính.

- Lĩnh vực Y tế: Phát triển bệnh viện số, áp dụng bệnh án, đơn thuốc điện tử, khám chữa bệnh từ xa, thanh toán không tiền mặt; ứng dụng AI, dữ liệu lớn hỗ trợ chẩn đoán, điều trị, quản lý vận hành bệnh viện.

- Lĩnh vực Giáo dục: Đầu tư hạ tầng số, hệ sinh thái giáo dục thông minh (ERP, học trực tuyến, sổ điểm điện tử, thư viện số, thanh toán không tiền mặt); ứng dụng AI, VR, phát triển mô hình giáo dục tích hợp STEM, khởi nghiệp.

- Lĩnh vực Giao thông - Logistics: Phát triển đô thị thông minh, hệ thống giao thông thông minh, ứng dụng bản đồ số, AI, IoT, AR/VR để giám sát, quản lý, tối ưu vận tải, tiết kiệm năng lượng, kết nối IOC.

- Lĩnh vực Du lịch - Văn hóa: Phát triển du lịch số, thẻ du lịch thông minh, bản đồ số điểm đến, số hóa di sản, hợp tác phát triển ứng dụng “All-in-one” để hỗ trợ khách du lịch trong suốt chuyến du lịch; đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, quảng bá, khai thác dữ liệu du lịch.

- Lĩnh vực Nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp thông minh, ứng dụng IoT, AI, dữ liệu lớn; xây dựng sàn thương mại điện tử nông sản, truy xuất nguồn gốc, đảm bảo minh bạch, an toàn thực phẩm.

- Lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường: Ứng dụng số trong quản lý đất đai, khoáng sản, khí tượng - thủy văn, quan trắc, cảnh báo thiên tai, ô nhiễm môi trường; số hóa dữ liệu, hỗ trợ lập kế hoạch cải thiện môi trường.

- Lĩnh vực Công nghiệp: Xây dựng khu công nghiệp thông minh, tăng tự động hóa, triển khai xưởng, nhà máy thông minh, kết nối IOC; khuyến khích doanh nghiệp sản xuất ứng dụng công nghệ số.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Hàng năm, ưu tiên bố trí ngân sách địa phương, nguồn vốn phân bổ từ Trung ương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chương trình, đề án, dự án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, địa phương huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Phú Thọ

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai toàn diện, đồng bộ các nhiệm vụ liên quan đến Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Phú Thọ và Kế hoạch này.

- Xác định các ưu tiên chiến lược và phân công nhiệm vụ cho các Sở, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan triển khai kịp thời các nội dung của Nghị quyết, Chương trình và Kế hoạch của Trung ương và của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Giám sát, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đưa ra định hướng chỉ đạo phù hợp; Đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất UBND tỉnh các biện pháp điều chỉnh, bổ sung, bảo đảm các mục tiêu chiến lược được hoàn thành đúng tiến độ.

- Tổ chức các hội nghị, phiên họp định kỳ để tập hợp ý kiến, trao đổi kinh nghiệm và định hướng triển khai các nhiệm vụ mang tính đột phá của tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan thường trực, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện; xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền các vấn đề phát sinh. Ứng dụng công cụ số để theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án.

- Tham mưu thành lập Tổ Công tác của tỉnh, gồm các Sở, ban, ngành liên quan để giúp Ban Chỉ đạo và UBND tỉnh chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; Theo dõi, cập nhật tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đảm bảo kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý.

- Tham mưu UBND tỉnh về Chương trình phát triển khoa học và công nghệ trọng điểm, đột phá công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ và ứng dụng các công nghệ mới thúc đẩy phát triển một số lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030.

- Sử dụng công cụ số và các phương tiện quản lý hiện đại để quản lý, cập nhật thông tin, bảo đảm minh bạch, chính xác và kịp thời; tổng hợp, định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm báo cáo UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo về tình hình, kết quả thực hiện phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá các tổ chức, đơn vị và cá nhân có thành tích tiêu biểu trong quá trình triển khai Kế hoạch; tổng hợp, lập danh sách và trình UBND tỉnh xem xét, khen thưởng, biểu dương kịp thời nhằm khích lệ, tôn vinh những điển hình tiên tiến, đồng thời tạo động lực thúc đẩy các cơ quan, đơn vị tích cực triển khai, hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu của Kế hoạch một cách hiệu quả, đồng bộ.

- Hằng năm, căn cứ định hướng Trung ương, xây dựng kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh; tổng hợp kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại đơn vị, địa phương tại Kế hoạch này.

- Lồng ghép, cập nhật nhiệm vụ, giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào các chương trình, kế hoạch, đề án liên quan; phối hợp triển khai các dự án liên ngành, bảo đảm kết nối, liên thông; chia sẻ dữ liệu về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh theo quy định.

- Căn cứ Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo đồng bộ và có hiệu quả.

- Định kỳ hàng quý (*trước ngày 10 tháng cuối Quý*), hàng năm (*trước ngày 15/12*) hoặc đột xuất (*khi có yêu cầu*) đánh giá tình hình thực hiện gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

4. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm, theo khả năng cân đối ngân sách của địa phương để thực hiện Kế hoạch; Tổ chức thẩm định, tổng hợp, phân bổ và hướng dẫn sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành, bảo đảm hiệu quả và tiết kiệm.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, thực hiện các giải pháp xây dựng chính sách, tư vấn, hỗ trợ, đề xuất các cơ chế huy động các nguồn vốn cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Nội vụ

- Phát động phong trào thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đưa kết quả chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá, chấm điểm thi đua.

- Kết hợp triển khai cải cách hành chính với thực hiện Kế hoạch này.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gắn với nội dung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đổi mới phương pháp, hình thức đào tạo theo hướng số hóa, trực tuyến, có đánh giá đầu ra gắn với tiêu chí thi đua, bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ.

6. Văn phòng UBND tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan nâng cao chất lượng hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp; ứng dụng công nghệ số, triển khai các giải pháp phục vụ người dân, doanh nghiệp hiệu quả.

7. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan khai thác hiệu quả các nhiệm vụ theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển, ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

- Triển khai công tác bảo đảm an ninh mạng, phòng chống tội phạm công nghệ cao; kịp thời phát hiện, ngăn chặn tấn công mạng, bảo vệ bí mật Nhà nước; cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn thông tin cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức công tác tuyên truyền về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng và phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông di động 5G, 6G...trên báo chí, hệ thống thông tin cơ sở, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện truyền thông khác.

9. Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh: Thiết lập các kênh, công cụ số để truyền thông; xây dựng, duy trì các chuyên mục, chuyên trang; tăng thời lượng, tần suất phát sóng; tập trung đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, nội dung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, Đề án 06, an toàn an ninh mạng, hạ tầng số 5G, 6G; lan tỏa mô hình, câu chuyện hay, tôn vinh tập thể, cá nhân điển hình trong ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội: Tăng cường giám sát, phản biện xã hội; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động hội viên, Nhân dân tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của tỉnh Phú Thọ (sau hợp nhất); UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, điều chỉnh, bảo đảm phù hợp thực tiễn./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Các Trường Đại học, Cao đẳng thuộc tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- CV NCTH;
- Lưu: VT, VX4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Huy Ngọc

PHỤ LỤC I
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)

I. Chỉ tiêu các nhiệm vụ có tính trọng tâm

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến hết năm 2025	
1	Lĩnh vực cải cách hành chính	
1.1	100% thủ tục hành chính được thực hiện trên môi trường điện tử, không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh
1.2	≥ 90% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Văn phòng UBND tỉnh
1.3	100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, bảo đảm minh bạch, giảm tối đa giấy tờ.	Văn phòng UBND tỉnh
1.4	100% Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp triển khai AI hỗ trợ giải quyết dịch vụ công trực tuyến.	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	
2.1	100% Cơ sở giáo dục tuyển sinh đầu cấp bằng hình thức trực tuyến từ năm học 2026-2027.	Sở Giáo dục và Đào tạo
2.2	100% Cơ sở giáo dục có trang thông tin điện tử phục vụ cung cấp thông tin và chỉ đạo điều hành.	Sở Giáo dục và Đào tạo
2.3	Tối thiểu 50% cơ sở giáo dục quản lý, phê duyệt hồ sơ (hồ sơ đơn vị, hồ sơ giảng dạy, hồ sơ giáo viên,...) trên môi trường số.	Sở Giáo dục và Đào tạo
2.4	≥ 50% cơ sở giáo dục phổ thông ứng dụng AI trong quản lý, dạy và học.	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
2.5	Có $\geq 70\%$ cơ sở giáo dục, đào tạo các cấp học thực hiện quản trị số toàn diện trên nền tảng thống nhất, kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông từ Bộ Giáo dục và Đào tạo đến địa phương và từng cơ sở giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo
2.6	Có $\geq 80\%$ học sinh, sinh viên có mã định danh số học tập, được quản lý xuyên suốt quá trình học tập, đào tạo và nghiên cứu.	Sở Giáo dục và Đào tạo
2.7	Có $\geq 80\%$ cơ sở giáo dục các cấp học triển khai hệ thống quản lý hồ sơ điện tử (học bạ điện tử, sổ điểm điện tử, kết quả học tập, rèn luyện).	Sở Giáo dục và Đào tạo
2.8	Có $\geq 30\%$ cơ sở giáo dục sử dụng nền tảng dạy và học trực tuyến, kết hợp với lớp học truyền thống.	Sở Giáo dục và Đào tạo
2.9	100% trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Lĩnh vực Y tế	
3.1	Có 100% cơ sở khám, chữa bệnh sử dụng hệ thống quản lý bệnh viện, kết nối liên thông dữ liệu với Hệ thống y tế của tỉnh và Bộ Y tế.	Sở Y tế
3.2	Có $\geq 80\%$ cơ sở khám, chữa bệnh triển khai ứng dụng Bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử.	Sở Y tế
3.3	Triển khai đồng bộ dịch vụ đăng ký khám trực tuyến, đặt lịch hẹn, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt tại 100% cơ sở khám, chữa bệnh công lập.	Sở Y tế
3.4	Có 100% cơ sở khám, chữa bệnh tuyến tỉnh và 70% cơ sở khám, chữa bệnh tuyến xã triển khai khám chữa bệnh từ xa.	Sở Y tế
3.5	Có $\geq 70\%$ quy trình quản trị, điều hành bệnh viện được số hóa; triển khai thử nghiệm mô hình bệnh viện thông minh tại một số đơn vị.	Sở Y tế
3.6	Có 100% cơ sở khám, chữa bệnh thực hiện báo cáo, thống kê trên hệ thống số hóa tập trung, kết nối cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia để đồng bộ thông tin bệnh nhân trên Sổ sức khỏe điện tử của nền tảng VneID.	Sở Y tế

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
4	Lĩnh vực Giao thông	
4.1	60% các tuyến giao thông chính trong đô thị và trục kết nối liên vùng được gắn cảm biến, camera giám sát và tích hợp dữ liệu lên nền tảng quản lý giao thông thông minh của tỉnh.	Sở Xây dựng
5	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường	
5.1	Tối thiểu 80% các sản phẩm OCOP (<i>được chứng nhận mới</i>) ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử, có nhật ký theo dõi quy trình sản xuất theo thời gian thực	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5.2	Triển khai tối thiểu 02 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường
II	Đến hết năm 2030	
1	Lĩnh vực cải cách hành chính	
1.1	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện đạt 100%	Văn phòng UBND tỉnh
1.2	100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	Văn phòng UBND tỉnh
1.3	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%	Văn phòng UBND tỉnh
1.4	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công $\geq 80\%$	Văn phòng UBND tỉnh
1.5	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công $\geq 80\%$	Văn phòng UBND tỉnh
1.6	100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	Văn phòng UBND tỉnh
1.7	100% nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	Văn phòng UBND tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1.8	100% các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	Văn phòng UBND tỉnh
1.9	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp $\geq 85\%$	Văn phòng UBND tỉnh
2	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	
2.1	100% cơ sở giáo dục, đào tạo các cấp học thực hiện quản trị số toàn diện trên nền tảng thống nhất, kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông từ Bộ Giáo dục và Đào tạo đến địa phương và từng cơ sở giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo
2.2	100% học sinh, sinh viên có mã định danh số học tập, được quản lý xuyên suốt quá trình học tập, đào tạo và nghiên cứu.	Sở Giáo dục và Đào tạo
2.3	100% cơ sở giáo dục triển khai nền tảng dạy - học trực tuyến, quản trị nhà trường thông minh; ứng dụng các công nghệ AI, dữ liệu lớn, phân tích học tập nhằm cá thể hóa lộ trình học tập cho từng học sinh, sinh viên.	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Lĩnh vực Y tế	
3.1	100% các cơ sở y tế đảm bảo hạ tầng Công nghệ thông tin hiện đại triển khai thực hiện một Nền y tế số thông minh, không giấy tờ.	Sở Y tế
3.2	Triển khai hoàn thiện 100% dữ liệu chuyên ngành tại các đơn vị trực thuộc; xây dựng Kho dữ liệu dùng chung Ngành Y tế; Triển khai hệ thống trung tâm điều hành Y tế thông minh.	Sở Y tế
3.3	100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh triển khai Y tế thông minh sử dụng IoT để kết nối các thiết bị, cảm biến và hệ thống, giúp thu thập dữ liệu thời gian thực, cải thiện chăm sóc bệnh nhân và tối ưu hóa quy trình y tế.	Sở Y tế
3.4	Triển khai một số giải pháp AI trong y tế thông minh để nâng cao hiệu quả chẩn đoán, điều trị, quản lý và phòng ngừa bệnh tật tại một số bệnh viện của tỉnh.	Sở Y tế

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
3.5	100% cơ sở y tế áp dụng bệnh án điện tử và đơn thuốc điện tử, chấm dứt hoàn toàn sử dụng hồ sơ giấy.	Sở Y tế
3.6	Hình thành và vận hành bệnh viện số với đầy đủ chức năng quản trị, khám chữa bệnh, chăm sóc bệnh nhân, thanh toán điện tử và theo dõi sức khỏe từ xa.	Sở Y tế
3.7	100% cơ sở khám chữa bệnh triển khai khám chữa bệnh từ xa, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng cho vùng sâu, vùng xa.	Sở Y tế
4	Lĩnh vực Du lịch - Văn hoá	
4.1	100% các khu, điểm du lịch được công nhận trên địa bàn tỉnh được số hóa và cung cấp thông tin phục vụ du khách trên hệ thống hệ Thống cổng thông tin tra cứu dữ liệu, quảng bá văn hóa, du lịch tỉnh Phú Thọ.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4.2	Phát triển hệ thống dữ liệu số, cơ sở dữ liệu ngành du lịch làm nền tảng cho xây dựng mô hình du lịch thông minh, đảm bảo kết nối với các tiện ích của Đề án 06, đẩy mạnh khai thác giá trị gia tăng từ dữ liệu.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4.3	Tỷ lệ cơ sở du lịch sử dụng nền tảng số phục vụ quản trị, kinh doanh du lịch đạt tối thiểu 70%.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4.4	100% các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và di sản tư liệu được UNESCO ghi danh; 100% các di tích quốc gia đặc biệt được số hóa và ứng dụng trên các nền tảng số.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4.5	100% các bảo vật quốc gia, các di sản trong Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được số hóa và ứng dụng trên các nền tảng số; ưu tiên số hóa theo nhu cầu sử dụng của xã hội các di tích quốc gia và các hiện vật, nhóm hiện vật tại các bảo tàng, ban quản lý di tích.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4.6	≥ 80% di sản văn hóa, lễ hội, triển lãm được số hóa và tích hợp cơ sở dữ liệu trên nền tảng hệ Thống cổng thông tin tra cứu dữ liệu, quảng bá văn hóa, du lịch tỉnh Phú Thọ và các nền tảng cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Lĩnh vực Giao thông	

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
5.1	100% các tuyến giao thông chính trong đô thị và trục kết nối liên vùng được gắn cảm biến, camera giám sát và tích hợp dữ liệu lên nền tảng quản lý giao thông thông minh của tỉnh.	Sở Xây dựng
5.2	Hình thành Trung tâm điều hành giao thông thông minh tích hợp với Trung tâm điều hành đô thị thông minh của tỉnh.	Sở Xây dựng
5.3	Phủ Thọ trở thành địa phương tiên phong trong xây dựng hệ thống giao thông thông minh kết hợp giữa hạ tầng truyền thống và công nghệ hiện đại, tạo nền tảng cho phát triển đô thị thông minh, bền vững.	Sở Xây dựng
6	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường	
6.1	100% các sản phẩm OCOP (<i>được chứng nhận mới</i>) ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử, có nhật ký theo dõi quy trình sản xuất theo thời gian thực	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6.2	Đào tạo tối thiểu 1.000 học viên/ năm (<i>là nông dân, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ thể sản phẩm OCOP...</i>) về kỹ năng số cơ bản và nâng cao trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6.3	Tối thiểu 80% các trạm quan trắc tự động ứng dụng hệ thống truyền nhận số liệu trực tuyến từ trạm về lưu trữ tại trung tâm; sẵn sàng chia sẻ, kết nối đến CSDL dùng chung.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Chương trình phát triển khoa học trọng điểm giai đoạn 2026 - 2030	
7.1	≥ 30 sản phẩm/giải pháp công nghệ mới được ứng dụng trong thực tiễn sản xuất, dịch vụ	Sở Khoa học và Công nghệ
7.2	Hình thành 5–7 mô hình công nghệ mẫu (nông trại thông minh, đô thị thông minh, bệnh viện số, khu công nghiệp thông minh, du lịch thông minh, trung tâm dữ liệu).	Sở Khoa học và Công nghệ

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
7.3	Đến năm 2030, Phú Thọ trở thành trung tâm khoa học – công nghệ vùng trung du miền núi Bắc Bộ; dành 2% GRDP cho R&D; tỷ lệ năng lượng tái tạo đạt 30%; tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 30%; đạt tiêu chí đô thị xanh – thông minh; và 100% hệ thống chính quyền số đạt chuẩn an toàn thông tin cấp độ 3 trở lên, góp phần giữ vững quốc phòng – an ninh.	Sở Khoa học và Công nghệ
7.4	10–15 mô hình thí điểm AI, Big Data, IoT trong các lĩnh vực then chốt.	Sở Khoa học và Công nghệ
7.5	Xây dựng ngân hàng dữ liệu số di sản của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ
7.6	Hình thành 2 trung tâm sáng tạo văn hóa và 3–5 sản phẩm công nghiệp văn hóa thương hiệu mạnh.	Sở Khoa học và Công nghệ
7.7	Phát triển 3–5 tuyến du lịch đặc thù liên vùng và một sản du lịch số hiện đại.	Sở Khoa học và Công nghệ
7.8	Từ năm 2026, tỉnh tổ chức thường niên 01 Festival văn hóa – du lịch quốc tế mang thương hiệu riêng, thu hút tối thiểu 300.000 lượt khách/năm (trong đó $\geq 5\%$ khách quốc tế), doanh thu dịch vụ 200–300 tỷ đồng/năm, có sự tham gia của ≥ 10 đoàn quốc tế và được truyền thông trên ít nhất 10 kênh quốc gia – quốc tế với 10 triệu lượt tiếp cận trực tuyến.	Sở Khoa học và Công nghệ
7.9	Đến năm 2030, đưa Phú Thọ trở thành trung tâm văn hóa – du lịch đặc sắc của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, đón ≥ 12 triệu lượt khách/năm (trong đó ≥ 500.000 khách quốc tế), doanh thu du lịch đạt ≥ 15.000 tỷ đồng/năm; hình thành 03 khu du lịch cấp vùng, 01 trung tâm lễ hội – văn hóa quốc tế và ≥ 20 sản phẩm du lịch đặc thù; thiết lập ≥ 10 tuyến liên vùng và ≥ 5 tuyến quốc tế; tổ chức 01 Festival quốc tế thường niên cùng ≥ 5 sự kiện văn hóa – du lịch cấp vùng/năm; đưa Phú Thọ vào Top 5 điểm đến văn hóa – lễ hội đặc sắc của vùng.	Sở Khoa học và Công nghệ
III	Đến hết năm 2045	
1	Lĩnh vực cải cách hành chính	

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1.1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt 100%.	Văn phòng UBND tỉnh
1.2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 100%.	Văn phòng UBND tỉnh
1.3	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 100%.	Văn phòng UBND tỉnh
2	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	
2.1	Chuyển đổi số toàn diện, hình thành nền giáo dục tỉnh Phú Thọ thông minh, mở, linh hoạt và lấy người học làm trung tâm. Mọi hoạt động quản lý, giảng dạy, học tập và đánh giá được thực hiện trên nền tảng số thống nhất, kết nối toàn quốc.	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Lĩnh vực Y tế	
3.1	Chuyển đổi số toàn diện, hình thành nền y tế thông minh, hiện đại, lấy người dân làm trung tâm. Mọi thông tin, hồ sơ sức khỏe cá nhân được số hóa, quản lý tập trung, đồng bộ, giúp người dân được chăm sóc, tư vấn, khám chữa bệnh mọi lúc, mọi nơi thông qua hệ thống y tế số quốc gia. Công tác quản lý, điều hành ngành y tế chuyển sang mô hình dựa trên dữ liệu số, giúp ra quyết định chính xác, kịp thời; liên thông, chia sẻ dữ liệu y tế giữa các tuyến, giữa y tế công – tư. Người dân được chăm sóc sức khỏe chủ động, liên tục, cá thể hóa, góp phần xây dựng xã hội khỏe mạnh, văn minh, hạnh phúc.	Sở Y tế
4	Lĩnh vực Du lịch-Văn hoá	
4.1	Du lịch tỉnh Phú Thọ cơ bản hoàn thành chuyển đổi số toàn diện, trở thành ngành kinh tế quan trọng, thông minh và bền vững, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống kết hợp với hiện đại. Hệ sinh thái du lịch số Phú Thọ được liên thông với hệ thống du lịch quốc gia, tích hợp bản đồ số, cơ sở dữ liệu du lịch và các nền tảng quản lý, quảng bá, điều hành hiện đại.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
5	Lĩnh vực Giao thông	

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
5.1	100% hệ thống hạ tầng giao thông (đường bộ, đường thủy, bến bãi, cầu đường đô thị) được số hóa, quản lý tập trung trên nền tảng dữ liệu số thống nhất của tỉnh.	Sở Xây dựng
5.2	Hệ thống giao thông thông minh được triển khai đồng bộ, tích hợp dữ liệu thời gian thực phục vụ điều hành, dự báo và cảnh báo sớm tai nạn, ùn tắc.	Sở Xây dựng
5.3	100% phương tiện vận tải hành khách công cộng và hàng hóa ứng dụng công nghệ số, kết nối dữ liệu với hệ thống quản lý của tỉnh.	Sở Xây dựng
5.4	Người dân được tiếp cận dịch vụ giao thông số toàn diện, sử dụng ứng dụng thống nhất để đặt, thanh toán, tra cứu hành trình, và phản ánh giao thông.	Sở Xây dựng
6	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường	
6.1	100% các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông sản đặc của tỉnh ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử, có nhật ký theo dõi quy trình sản xuất theo thời gian thực.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6.2	100% thành viên chủ chốt của các HTX, tổ hợp tác; 70% nông dân sản xuất tiêu biểu được đào tạo và thành thạo về kỹ năng số cơ bản và nâng cao trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6.3	100% các trạm quan trắc tự động ứng dụng hệ thống truyền nhận số liệu trực tuyến từ trạm về lưu trữ tại trung tâm; sẵn sàng chia sẻ, kết nối đến CSDL dùng chung.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6.4	Triển khai hàng năm tối thiểu 10 mô hình AI dự báo dịch bệnh cây trồng hoặc vật nuôi, báo cáo cảnh báo sớm gửi tự động đến người dân và sẵn sàng chia sẻ, kết nối tới CSDL dùng chung	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6.5	Triển khai hàng năm tối thiểu 02 mô hình ứng dụng rô bốt điều khiển tự động trong thu thập thông tin môi trường và sản xuất nông nghiệp thay thế sức lao động của con người.	Sở Nông nghiệp và Môi trường

II. Chỉ tiêu thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Đến hết năm 2025	
1	Phát triển hạ tầng	
1.1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn $\geq 60\%$.	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Phát triển nguồn lực	
2.1	Có $\geq 1,0\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 2% GRDP.	Sở Tài chính
2.2	100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	Sở Khoa học và Công nghệ
2.3	80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	Các sở, ngành, UBND cấp cơ sở
2.4	80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	Các sở, ngành: Y tế, Giáo dục, Bảo hiểm xã hội, Xây dựng
2.5	Có từ 07 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Phát triển khoa học, công nghệ	
3.1	Có ≥ 20 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.	Sở Khoa học và Công nghệ
3.2	Có ≥ 300 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.	Các Trường, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ
3.3	Có ≥ 25 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.	Sở Khoa học và Công nghệ
3.4	Có $\geq 40\%$ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu.	Sở Khoa học và Công nghệ
3.5	Có ≥ 3 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).	Sở Khoa học và Công nghệ

3.6	Có ≥ 10 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/WoS).	Đại học Hùng Vương 05 bài, Đại học Công nghiệp Việt Trì 05 bài
4	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo	
4.1	Có ≥ 10 dự án đổi mới sáng tạo/đổi mới công nghệ được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ
4.2	Có ≥ 3 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ
4.3	Có ≥ 50 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ
4.4	Có $\geq 10\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.	Sở Tài chính
5	Phát triển chuyển đổi số	
5.1	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh ≥ 0.70	Sở Khoa học và Công nghệ
5.2	Có $\geq 40\%$ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	Sở Khoa học và Công nghệ
5.3	Có $\geq 50\%$ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.	Sở Khoa học và Công nghệ
5.4	Có $\geq 60\%$ dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với trực liên thông dữ liệu cấp tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ
5.5	Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số.	Sở Tài chính
5.6	Có $\geq 80\%$ người dân từ 14 tuổi trở lên đủ điều kiện có tài khoản định danh điện tử (VNeID).	Công an tỉnh
5.7	Có $\geq 60\%$ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	Sở Khoa học và Công nghệ
5.8	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 60%	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực IV
5.9	Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.	Sở Công thương
5.10	Quy mô kinh tế số phần đầu đạt tối thiểu 22% GRDP.	Sở Khoa học và Công nghệ
5.11	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh ở mức tối thiểu 50%	Sở Tài chính
II	Đến hết năm 2030	

1	Phát triển hạ tầng	
1.1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn $\geq 90\%$.	Sở Khoa học và Công nghệ
1.2	100% người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Phát triển nguồn lực	
2.1	Có $\geq 1,5\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.	Sở Tài chính
2.2	Phấn đấu bố trí cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học, kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước tối thiểu 25%.	Sở Nội vụ
2.3	100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	Các Sở, ngành, UBND cấp xã
2.4	90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	Các sở, ngành: Y tế, Giáo dục, Bảo hiểm xã hội, Xây dựng
2.5	Có từ 12 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Phát triển khoa học, công nghệ	
3.1	Có ≥ 500 cán bộ nghiên cứu khoa học và công nghệ toàn tỉnh.	Các Trường, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ
3.2	Phát triển/thành lập mới ≥ 10 doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ
3.3	Có ≥ 30 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.	Sở Khoa học và Công nghệ
3.4	Có ≥ 30 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
3.5	Có ≥ 36 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).	Sở Khoa học và Công nghệ

3.6	Có ≥ 20 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/WoS).	Đại học Hùng Vương 10 bài, Đại học công nghiệp Việt Trì 10 bài
3.7	Có ≥ 02 tổ chức trung gian về thị trường khoa học và công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ
3.8	Có ≥ 15 doanh nghiệp khoa học công nghệ và 10 doanh nghiệp công nghệ cao trở lên.	Sở Khoa học và Công nghệ
3.9	Có ≥ 40 tổ chức khoa học công nghệ công lập và ngoài công lập	Sở Khoa học và Công nghệ
3.10	Ứng dụng AI trong quản trị nhà trường, trường học thông minh; trong dạy học tại các cơ sở giáo dục và đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo
4	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo	
4.1	Phấn đấu mỗi năm có từ 1-2 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ
4.2	Có ≥ 3 vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ
4.3	Có ≥ 50 sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa.	Sở Khoa học và Công nghệ
4.4	Có ≥ 20 dự án đổi mới sáng tạo được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ
4.5	Có ≥ 28 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ
4.6	Có ≥ 300 bài báo khoa học ứng dụng liên quan đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ
4.7	Có $\geq 25\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.	Sở Tài chính
4.8	Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo góp phần xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội và góp phần nâng chỉ số phát triển con người Phú Thọ (HDI) duy trì trên mức 0,85.	Sở Khoa học và Công nghệ
4.9	Có ≥ 01 khu công nghiệp dành 30% diện tích để thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao.	Ban Quản lý các Khu công nghiệp
5	Phát triển chuyển đổi số	
5.1	Chỉ số chuyên đổi số cấp tỉnh ≥ 0.80 .	Sở Khoa học và Công nghệ
5.2	Có $\geq 70\%$ hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	Sở Khoa học và Công nghệ
5.3	Có $\geq 80\%$ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.	Sở Khoa học và Công nghệ

5.4	Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	Sở Tài chính
5.5	100% người dân từ 14 tuổi trở lên đủ điều kiện có tài khoản định danh điện tử (VNeID).	Công an tỉnh
5.6	Có 90 % đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	Sở Khoa học và Công nghệ
5.7	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 80%.	Ngân hàng nhà nước tỉnh
5.8	Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP trở lên.	Sở Khoa học và Công nghệ
5.9	Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.	Sở Công thương
5.10	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh từ 55-60%	Sở Tài chính
III	Đến hết năm 2045	
1	Phát triển hạ tầng	
1.1	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Phát triển nguồn lực	
2.1	Có $\geq 3\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.	Sở Tài chính
2.2	99% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	Các sở, ngành: Y tế, Giáo dục, Bảo hiểm xã hội, Xây dựng
2.3	Có từ 54 người thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trên 01 vạn dân.	Sở Khoa học và Công nghệ
2.4	Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu, hình thành “cụm chuyên gia”.	Sở Khoa học và Công nghệ
3	Phát triển khoa học, công nghệ	
3.1	Có ≥ 40 công trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu.	Sở Khoa học và Công nghệ

3.2	Có ≥ 40 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai.	Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
3.3	Có ≥ 216 đơn đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích).	Sở Khoa học và Công nghệ
3.4	Có $\geq 80\%$ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.	Sở Khoa học và Công nghệ
3.5	Có ≥ 30 bài báo khoa học có địa chỉ tác giả tại tỉnh (Scopus/WoS).	Đại học Hùng Vương 15 bài, Đại học công nghiệp Việt Trì 15 bài
3.6	Có ≥ 5 công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ quốc gia/khu vực.	Sở Khoa học và Công nghệ
3.7	Địa phương có khả năng thu hút nhiều chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu thế giới, tạo ra sản phẩm, dịch vụ công nghệ mang thương hiệu toàn cầu.	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo	
4.1	Có ≥ 20 dự án khởi nghiệp sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ
4.2	Có ≥ 05 vườn ươm/trung tâm đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ
4.3	Có ≥ 200 sản phẩm đổi mới sáng tạo/đổi mới công nghệ được thương mại hóa.	Sở Khoa học và Công nghệ
4.4	Có ≥ 30 dự án đổi mới sáng tạo/đổi mới công nghệ được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ
4.5	Có ≥ 166 sáng chế, giải pháp hữu ích có địa chỉ tại tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ
4.6	Có $\geq 80\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ có hợp tác nghiên cứu, phát triển với các viện/trường.	Sở Tài chính
4.7	Có ≥ 250 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Phát triển chuyển đổi số	
5.1	Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh đạt 1.0.	Sở Khoa học và Công nghệ
5.2	100% hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	Sở Khoa học và Công nghệ
5.3	100% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa & liên thông với Trung ương.	Sở Khoa học và Công nghệ
5.4	100% dữ liệu của các ban, sở, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP.	Sở Khoa học và Công nghệ

5.5	100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	Sở Tài chính
5.6	100% người dân có tài khoản định danh điện tử.	Công an tỉnh
5.7	Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.	Sở Khoa học và Công nghệ
5.8	Duy trì/nâng cấp IOC cấp tỉnh đóng vai trò thực sự là “bộ não số” của địa phương, giúp tổ chức đảng, cơ quan đảng, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực.	Sở Khoa học và Công nghệ
5.9	100% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất. Các hệ thống đảng số, chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh.	Sở Khoa học và Công nghệ
5.10	Các đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
5.11	Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
5.12	Hội nhập sâu với mạng lưới đô thị thông minh toàn cầu, là điểm đến của hợp tác quốc tế về công nghệ, nghiên cứu, du lịch.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
5.13	Phát triển mạnh về công nghệ mũi nhọn (AI, robot, vật liệu mới, sinh học...), sở hữu công trình nghiên cứu tầm vóc, ứng dụng rộng rãi.	Sở Khoa học và Công nghệ
5.14	Kinh tế số đạt tối thiểu 60% GRDP; các ngành đều có khả năng cạnh tranh, xuất khẩu dịch vụ số, sản phẩm công nghệ cao.	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
5.15	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức cao, hướng tới phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương.	Sở Tài chính

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ

GIAO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, UBND CẤP XÃ VÀ CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Phú Thọ)

1. Nhóm nhiệm vụ trọng tâm

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I	Chuyển đổi số lĩnh vực cải cách hành chính				
1	Chuẩn hóa các Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp theo mô hình “một cửa số”, đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; chuẩn hóa điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ cán bộ, thái độ phục vụ	Văn phòng UBND tỉnh	UBND cấp xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp có đầy đủ trang thiết bị hiện đại đáp ứng theo yêu cầu	Tháng 12/2025
2	Triển khai mô hình “Trung tâm phục vụ hành chính công thông minh” ứng dụng AI, dữ liệu lớn, trợ lý số, công nghệ định danh điện tử, Blockchain để tự động hóa quy trình và nâng cao trải nghiệm người dân. Mô hình có kết nối theo thời gian thực với IOC của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Mô hình được triển khai trên toàn tỉnh	Giai đoạn 2026-2030
3	Hoàn thiện hệ sinh thái dữ liệu hành chính, phản ánh-	Văn phòng	Sở Khoa học và	Dữ liệu được	Giai đoạn

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	đánh giá thông minh, phục vụ chỉ đạo, điều hành, giám sát thời gian thực kết nối với IOC của tỉnh	UBND tỉnh	Công nghệ; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan	triển khai	2026-2030
4	Nâng tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến hàng ngày đạt trên 95% (theo cách tính mới)	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo, thống kê trên hệ thống	Thường xuyên
5	90% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp thông qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong năm 2025 và đến năm 2030 đạt 100%	Các Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp xã	Quyết định của UBND tỉnh	Thường xuyên
6	Xây dựng, tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế “luồng xanh”, giảm 50% - 60% thời gian giải quyết thủ tục hành chính đối với các chương trình, dự án trọng điểm; ban hành cơ chế cải cách thủ tục hành chính đặc thù cho các dự án thu hút đầu tư nước ngoài, nhất là tập đoàn lớn, đa quốc gia	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản của UBND tỉnh	Tháng 11/2025
7	Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để đáp ứng các quy định của Luật Giao dịch điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế với giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; sớm có phương án cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Các quy trình nội bộ của các ngành, địa phương được chuẩn hoá	Tháng 10/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
8	Triển khai thực hiện Chương trình cắt giảm giấy phép tại các sở, ngành, địa phương và chuyển một số nhiệm vụ, hoạt động cấp phép doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhiệm giai đoạn 2025-2030	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Thường xuyên
9	Tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Thường xuyên
10	Thực hiện rà soát, đánh giá, nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, kết nối, chia sẻ dữ liệu.	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hệ thống, cơ sở dữ liệu được hoàn thiện theo yêu cầu	Thường xuyên
II	Triển khai chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo:				
1	Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; thực hiện số hóa hạ tầng - nền tảng, số hóa nội dung - chương trình, số hóa phương pháp - mô hình dạy học và số hóa quản lý - kiểm định chất lượng giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản hướng dẫn thực hiện	Nhiệm vụ thường xuyên
2	Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách, các cuộc thi nhằm phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên.	Sở Giáo dục và Đào tạo; Trường Đại học Hùng Vương, các cơ sở giáo dục	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Đề án/Chương trình/Kế hoạch triển khai	Nhiệm vụ thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
		đại học, cao đẳng nghề			
3	Xây dựng Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2025-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2025
4	Xây dựng Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu ngành kết nối dữ liệu quốc gia phục vụ nhu cầu phát triển giáo dục đào tạo và kinh tế xã hội của tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2025
5	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, máy tính và thiết bị thông minh tại các trường học, bảo đảm kết nối đồng bộ, an toàn.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; UBND cấp xã	Đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Thường xuyên
6	Triển khai nền tảng học tập số thống nhất toàn tỉnh, liên thông với Hệ thống dữ liệu giáo dục quốc gia, phục vụ quản lý và dạy – học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã	Đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Từ năm 2025
7	Xây dựng kho học liệu, bài giảng số, thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2025-2030
8	Triển khai phần mềm kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục để quản lý hồ sơ, tổ chức đánh giá, kiểm định, quản lý	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND	Đề án, dự án, chương trình,	Từ năm 2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	các cơ sở giáo dục và đào tạo trong tỉnh; Thực hiện số hoá hồ sơ, chứng chỉ, bằng tốt nghiệp THCS, THPT.		cấp xã	nhiệm vụ được triển khai	
9	100% cơ sở giáo dục triển khai phần mềm quản trị nhà trường, thực hiện sổ điểm điện tử, học bạ số (đối với cơ sở giáo dục phổ thông), hồ sơ điện tử (đối với cơ sở giáo dục mầm non).	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND cấp xã		Năm 2025
10	xây dựng mô hình quản trị giáo dục thông minh dựa trên dữ liệu và minh bạch, thay thế lối quản lý hành chính thủ công bằng hệ thống số hóa toàn diện. Thông qua các nền tảng quản trị tích hợp, các nhà trường và cơ quan quản lý có thể theo dõi tiến độ học tập, đánh giá năng lực, quản lý hồ sơ, tài chính, tài sản và nhân sự một cách hiệu quả và chính xác hơn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; UBND cấp xã	Đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2025-2030
11	Bồi dưỡng kỹ năng số, kiến thức và năng lực sử dụng AI đối với cán bộ quản lý, giáo viên; bồi dưỡng kiến thức về AI cho học sinh phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; UBND cấp xã	Kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Thường xuyên
III	Chuyển đổi số ngành Y tế:				
1	Đầu tư hạ tầng phần cứng CNTT, thiết bị lưu trữ, thiết bị bảo mật và đảo đảm đường truyền internet tốc độ cao, ổn định; đầu tư nâng cấp trang thiết bị máy tính, thiết bị thông minh nhằm đảm bảo việc sử dụng, khai thác hiệu quả ứng dụng Bệnh án điện tử tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2025 - 2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
2	Xây dựng triển khai hệ thống phần mềm Kho dữ liệu dùng chung ngành y tế, trên cơ sở thực hiện kết nối dữ liệu từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh (khối công lập và khối tư nhân). Từ đó hình thành CSDL dùng chung ngành y tế phục vụ cho quản lý, chỉ đạo và ra quyết định.	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các ngân hàng; các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Năm 2026
3	Xây dựng triển khai phần mềm và cơ sở dữ liệu chuyên ngành tại các phòng và trung tâm chức năng, bao gồm: Nghiệp vụ quản lý hồ sơ giám định y khoa; Hồ sơ giám định pháp y; Quản lý hồ sơ kiểm nghiệm; Quản lý công tác Y tế dự phòng; CSDL quản lý hành nghề y, dược, mỹ phẩm; CSDL đăng ký hành nghề tại các cơ sở y dược tư nhân; CSDL quản lý danh mục dịch vụ kỹ thuật thực hiện tại cơ sở y tế; CSDL quản lý đào tạo và chỉ đạo tuyến; CSDL quản lý đề tài nghiên cứu khoa học; Phần mềm và CSDL quản lý quá trình thực hành hành nghề tại các cơ sở Y, Dược tư nhân; Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phòng chống tệ nạn xã hội, bảo trợ xã hội.	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các ngân hàng; các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2025 - 2030
4	Triển khai hệ thống trung tâm điều hành Y tế thông minh đặt tại Sở Y tế	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các ngân hàng; các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2025 - 2030
5	Triển khai hệ thống Cổng tra cứu hành nghề Y, Dược trên	Sở Y tế	Sở Khoa học và	Dự án, chương	Năm 2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	cơ sở kết nối, công bố thông tin và dữ liệu chuyên ngành y tế cho cộng đồng.		Công nghệ; Sở Tài chính; UBND cấp xã	trình, nhiệm vụ được triển khai	
6	Triển khai Y tế thông minh sử dụng IoT để kết nối các thiết bị, cảm biến và hệ thống, giúp thu thập dữ liệu thời gian thực, cải thiện chăm sóc bệnh nhân và tối ưu hóa quy trình y tế.	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; UBND cấp xã	Đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2025 - 2030
7	Xây dựng và triển khai các ứng dụng AI trong y tế thông minh nhằm tận dụng AI để nâng cao hiệu quả chẩn đoán, điều trị, quản lý và phòng ngừa bệnh tật.	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; UBND cấp xã	Đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2025 - 2030
8	Xây dựng, phát triển hệ sinh thái y tế số tỉnh Phú Thọ kết nối đồng bộ với hệ thống quốc gia, bảo đảm dữ liệu y tế tập trung, an toàn, minh bạch, phục vụ công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu khoa học và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Thường xuyên
9	Ứng dụng thanh toán điện tử, ví điện tử, QR code tại tất cả bệnh viện	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các ngân hàng; các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Ứng dụng được triển khai	Quý IV/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
10	Triển khai áp dụng giải pháp, công cụ để giám sát các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại; Kết quả xét nghiệm; để cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin Sổ sức khỏe trên VNeID trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh	Sở Y tế	UBND cấp xã	Kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Sau khi có giải pháp của Trung ương
11	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ, giải pháp chuyển đổi số toàn diện cho Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	Các Sở, ban, ngành	Đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2025-2027
12	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ, giải pháp chuyển đổi số toàn diện cho Bệnh viện đa khoa Vĩnh Phúc và Bệnh viện đa khoa Hòa Bình	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Phúc và Hoà Bình	Các Sở, ban, ngành	Đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2028-2029
13	Đầu tư cho đổi mới sáng tạo để đưa ra một quy trình mới, cải tiến các mô hình dịch vụ hiện có của Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	Các Sở, ban, ngành	Đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2025-2027
14	Đầu tư cho đổi mới sáng tạo để đưa ra một quy trình mới, cải tiến các mô hình dịch vụ hiện có của Bệnh viện đa khoa Vĩnh Phúc và Bệnh viện đa khoa Hòa Bình	Bệnh viện đa khoa Vĩnh Phúc và Hoà Bình	Các Sở, ban, ngành	Đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển	Giai đoạn 2028-2029

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
				khai	
IV	Chuyển đổi số ngành Du lịch				
1	Xây dựng hệ thống công thông tin, du lịch thông minh ứng dụng AI, dữ liệu lớn tỉnh Phú Thọ.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND xã, phường	Chương trình, dự án, nhiệm vụ triển khai	Giai đoạn 2025 - 2030
2	Số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu địa điểm cung cấp sản phẩm dịch vụ du lịch, tài nguyên, các khu - điểm, di sản văn hóa, sự kiện, triển lãm, ... phục vụ trải nghiệm khách du lịch.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND xã, phường; các đơn vị liên quan	Chương trình, dự án, nhiệm vụ triển khai	Giai đoạn 2025 - 2030
3	Số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu di sản văn hóa ứng dụng trên các nền tảng, thiết bị công nghệ số phục vụ khách du lịch.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND xã, phường; các đơn vị liên quan	Chương trình, dự án, nhiệm vụ triển khai	Giai đoạn 2026 - 2030
4	Xây dựng nền tảng trình chiếu ứng dụng công nghệ số trong tổ chức các hoạt động nghệ thuật biểu diễn, sự kiện văn hóa, lễ hội, triển lãm phục vụ du khách tham quan, tương tác trải nghiệm.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND xã, phường; các đơn vị liên quan	Chương trình, dự án, nhiệm vụ triển khai	Giai đoạn 2026 - 2030
5	Bảo tàng, thư viện số; không gian trải nghiệm số, tương tác, 3D Mapping trải nghiệm thực tế ảo.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành; UBND xã, phường; các đơn vị liên quan	Chương trình, dự án, nhiệm vụ triển khai	Giai đoạn 2026 - 2030
V	Chuyển đổi số ngành Giao thông				
1	Triển khai máy chủ AI vận hành hệ thống camera giám sát phương tiện, tốc độ, xử phạt nguội	Công an tỉnh	Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan	Chương trình, dự án, nhiệm vụ triển khai	Giai đoạn 2025 - 2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
2	Triển khai hệ thống đèn tín hiệu giao thông thông minh kết nối về IOC của tỉnh và Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh (tự động hóa điều hành đèn tín hiệu, phân luồng giao thông, cảm biến thu thập dữ liệu,...)	Sở Xây dựng	Công an tỉnh và các đơn vị liên quan	Chương trình, dự án, nhiệm vụ triển khai	Giai đoạn 2027 - 2028
3	Triển khai cung cấp bản đồ giao thông trực tuyến, tra cứu lộ trình, thời gian xe buýt, mua vé thanh toán điện tử phục vụ người dân	Sở Xây dựng	Công an tỉnh và các đơn vị liên quan	Chương trình, dự án, nhiệm vụ triển khai	Năm 2027
4	Triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý quy hoạch, cung cấp thông tin quy hoạch trực tuyến trên nền tảng hệ thống công nghệ thông tin địa lý toàn cầu, điện toán đám mây trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ; các doanh nghiệp đồng hành	Nhiệm vụ được triển khai	Thường xuyên
VI	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường				
1	Triển khai nông nghiệp thông minh thông qua ứng dụng công nghệ số, IoT, AI, cảm biến, drone và các giải pháp công nghệ cao vào sản xuất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã; các cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, doanh nghiệp, cá nhân liên quan	Chương trình/Đề án/Dự án/Nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2026-2030
2	Phổ cập kỹ năng số, đào tạo chuyên môn cho nông dân, cán bộ và hợp tác xã, gắn kết với thương mại điện tử và phát triển kinh tế số nông nghiệp xanh, bền vững.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã; các cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, doanh nghiệp, cá nhân liên quan	Chương trình được triển khai	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
3	Cập nhật, triển khai bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, tiêu chí quốc gia về xóa đói giảm nghèo, đặc biệt cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi có các tiêu chí về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Bộ tiêu chí được cập	Thường xuyên
4	Ứng dụng nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, nông nghiệp và môi trường; hệ thống thông tin địa lý theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường”	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Nhiệm vụ được triển khai	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	Sử dụng các ứng dụng AI hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Ứng dụng được triển khai	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	Hỗ trợ kết nối, tiêu thụ sản phẩm trên các sàn thương mại điện tử gắn với phát triển các sản phẩm nông nghiệp và đặc sản vùng miền theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hoàn thành sàn TMĐT, đảm bảo kết nối Đề án 06	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
VII	Xây dựng Chương trình phát triển khoa học trọng điểm giai đoạn 2026 – 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Chương trình của UBND tỉnh	Giai đoạn 2026-2030

2. Nhiệm vụ chủ yếu

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I.	Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				
1	Xây dựng, trình ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Chương trình hành động số 02-CTr/TU trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2025-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Ban Tuyên giáo và Dân vận; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Báo và Đài phát thanh, truyền hình tỉnh	Kế hoạch tuyên truyền	Tháng 12/2025
2	Xây dựng chuyên mục chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội; website tuyên truyền và công khai, giám sát, theo dõi các chỉ tiêu Kế hoạch, Chương trình hành động của BTV Tỉnh ủy triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW	Báo và Đài Phát thanh, truyền hình tỉnh Phú Thọ	Sở Khoa học và Công nghệ	Chuyên mục/Chương trình/tin, bài được đăng tải	Tháng 10/2025
3	Triển khai các văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hàng năm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương
4	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch công tác	Nhiệm vụ thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
5	Xây dựng, tổ chức triển khai áp dụng nền tảng số, công cụ số để thực hiện đo lường trực tuyến mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Nền tảng số được áp dụng	Quý II/2026
6	Định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo đánh giá	Trước ngày 15/12 hàng năm
7	Thực hiện rà soát quy định tiêu chuẩn chức danh công chức, lãnh đạo quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước. Phân đấu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25% theo quy định của Trung ương.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Có tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo	Nhiệm vụ thường xuyên
8	Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) nhằm khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo hướng bổ sung, điều chỉnh để phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Sau khi Luật được Quốc hội thông qua, có hiệu lực thi hành
9	Triển khai các nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Nền tảng được triển khai trực tuyến, đại trà	Nhiệm vụ thường xuyên (Sau khi có nền tảng cung

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
					<i>cấp đại trà)</i>
10	Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ Sở	Nội vụ	Kế hoạch của UBND tỉnh	Tháng 11/2025
11	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Chương trình, Kế hoạch của UBND tỉnh được ban hành	Tháng 10/2025
12	Phát động phong trào thi đua trong toàn tỉnh để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản hướng dẫn thực hiện	Tháng 12 hàng năm
13	Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ, Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản Triển khai	Tháng 12 hàng năm
II.	Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
14	Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 từ cấp tỉnh tới cơ sở; phân công nhiệm vụ cụ thể các thành viên và xây dựng Chương trình công tác cụ thể hàng năm của Ban Chỉ đạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Quyết định thành lập/phân công nhiệm vụ	Tháng 10/2025
15	Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước từ tỉnh đến địa phương, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Tổ chức bộ máy được sắp xếp đảm bảo thống nhất	Theo lộ trình của Trung ương và của tỉnh
16	Rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện quy định pháp luật để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã có liên quan	Văn bản Triển khai	Tháng 11/2025
16.1	Tiếp tục rà soát tham mưu ban hành các cơ chế chính sách theo Nghị quyết số 76-NQ/TU ngày 02/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã có liên quan	Văn bản Triển khai	Quý IV/2025
16.2	Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách tài chính đặc thù khuyến khích và hỗ trợ hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030. Ưu tiên tập trung hỗ trợ ứng dụng chuyển giao công nghệ công nghệ cao trong lĩnh vực chế biến chế tạo; công nghệ sản xuất năng lượng tái tạo, năng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường có liên quan	Chính sách được ban hành	Quý IV/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	lượng sinh học; ứng dụng AI, IoT, dữ liệu lớn; ứng dụng công nghệ vào ngành du lịch như thực tế ảo, thực tế tăng cường, và nền tảng số để nâng cao trải nghiệm du lịch; công nghệ tiên tiến trong chế biến thủy sản, nông sản, đặc biệt là sản phẩm OCOP; ứng dụng công nghệ vào giáo dục, thúc đẩy học trực tuyến và các mô hình học tập tiên tiến, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0; áp dụng công nghệ hiện đại trong quản logistics để tăng năng suất và kết nối với các trung tâm kinh tế lớn; Ứng dụng công nghệ xử lý môi trường.				
16.3	Triển khai cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường có liên quan	Văn bản hướng dẫn	Hàng năm
17	Triển khai các quy định sau khi các Luật, Nghị định Chính phủ ban hành có hiệu lực thi hành				Sau khi các Luật, Nghị định được ban hành và có hiệu lực
17.1	Cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số, giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản hướng dẫn	Nhiệm vụ thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	nghệ; Có chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ gắn với cơ chế chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng.				
17.2	Mức độ đánh giá hiệu quả tổng thể của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đổi mới doanh nghiệp.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản hướng dẫn	Nhiệm vụ thường xuyên
17.3	Các quy định pháp luật để tháo gỡ điểm nghẽn trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Nhiệm vụ thường xuyên
17.4	Quy định về việc thành lập và sử dụng các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số; Quỹ đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Nhiệm vụ thường xuyên
17.5	Cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước, hoàn thiện chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản hướng dẫn	Nhiệm vụ thường xuyên
18	Triển khai thực hiện Đề án cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước, hoàn thiện chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành có liên quan	Đề án/Chương trình/Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý II/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
19	Triển khai áp dụng các quy định về sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ cho các tổ chức khoa học công nghệ, cơ sở giáo dục đại học công lập	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản hướng dẫn thực hiện	Thường xuyên (Sau khi có quy định của Trung ương)
20	Triển khai áp dụng các quy định về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo hướng giảm tỉ lệ vay lại xuống mức thấp nhất, không yêu cầu bảo đảm tiền vay đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ tài chính	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản hướng dẫn thực hiện	Thường xuyên (Sau khi có quy định của Trung ương)
21	Triển khai cơ chế, chính sách ưu đãi và đơn giản hóa thủ tục hành chính về đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản hướng dẫn thực hiện	Thường xuyên (Sau khi có quy định của Trung ương)
22	Xây dựng, triển khai kế hoạch đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu, thu hút FDI từ các đối tác thuộc các nước phát triển; ưu tiên thu hút các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, mang lại giá trị gia tăng cao, tăng nhanh tỷ lệ lấp đầy, nâng cao hiệu quả kinh tế các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã thành lập; công bố danh mục các lĩnh vực, công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư (IPA)	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch của UBND tỉnh	Quý IV/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
23	Nghiên cứu xây dựng Chương trình khung và định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ưu tiên thực hiện trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2030 làm căn cứ xây dựng, triển khai dự án trọng điểm cho các lĩnh vực có tiềm năng để thu hút đầu tư, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Chương trình khung được ban hành	Tháng 12/2025
24	Xây dựng và triển khai Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh; khuyến khích thành lập các doanh nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ nhằm tăng số lượng và quy mô các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Các Doanh nghiệp	Đề án được phê duyệt	Quý I/2026
25	Triển khai hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/ 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường có liên quan	Văn bản hướng dẫn	Tháng 10/2025
26	Cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường có liên quan	Văn bản triển khai	Thường xuyên (Sau khi có hướng dẫn của Bộ KH&CN)
III.	Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
27	Nghiên cứu xây dựng các Chương trình trọng điểm phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với những lĩnh vực kinh tế có thế mạnh, lĩnh vực kinh tế có tiềm năng của tỉnh Phú Thọ (<i>kinh tế di sản; kinh tế tuần hoàn; kinh tế nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ....</i>).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường có liên quan	Chương trình/ Kế hoạch/ Đề án của UBND tỉnh	Quý I/2026
28	Triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Đề án hình thành Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược; Cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược; Cơ chế, chính sách ppp để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; Đề án phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược; Đề án phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược; Đề án đầu tư năng lực cho các tổ chức nghiên cứu phát triển công lập; Rà soát, tổ chức quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường có liên quan	Các nhiệm vụ/Có chế, chính sách được triển khai	Nhiệm vụ thường xuyên (<i>sau khi có quy định, hướng dẫn của Trung ương</i>)
29	Tập trung nguồn lực, ưu tiên thu hút đầu tư các dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghệ thông tin nằm trong danh mục các Chương trình, Đề án đã được phê duyệt:				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
29.1	Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”	Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Chương trình/ Kế hoạch/ Đề án được ban hành	Nhiệm vụ thường xuyên
29.2	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu số của tỉnh đáp ứng các yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Trung tâm được hoàn thiện, hoạt động ổn định, hiệu quả	Giai đoạn 2026 - 2030
30	Triển khai áp dụng chính sách ưu đãi về thuế đối với các hoạt động đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Thường xuyên (sau khi có quy định, hướng dẫn của Trung ương)
31	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Thường xuyên (sau khi có quy định, hướng dẫn của Trung ương)
32	Triển khai áp dụng cơ chế cho phép sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng nền tảng số có quy mô quốc gia, vùng và được sử dụng chung cho nhiều cơ quan, tổ chức	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên (sau khi có các nền tảng được xây dựng, phát hành)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
33	Xây dựng, triển khai áp dụng, thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ; Công bố danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về ppp trong phát triển các hạ tầng số mới cần thiết cho chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Sau khi có Chương trình của Trung ương ban hành, có hiệu lực
34	Phát triển Trường Đại học Hùng Vương, trở thành hạt nhân, nòng cốt và trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đối với một số lĩnh vực của vùng, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu nhân lực, nghiên cứu và chuyển giao tri thức phục vụ phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh, của vùng và khu vực	Trường Đại học Hùng Vương	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Đề án/Chương trình/Kế hoạch được phê duyệt	Giai đoạn 2025-2030
35	Xây dựng và triển khai Kế hoạch khuyến khích phát triển các tổ chức khoa học, các doanh nghiệp khoa học, doanh nghiệp FDI tham gia đầu tư nâng cao tiềm lực phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; thu hút doanh nghiệp lớp đầu tư sản xuất, kinh doanh sản phẩm kinh tế số lõi.	Sở Tài chính	Ban Quản lý các Khu công nghiệp và các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sau khi có quy định, hướng dẫn của Trung ương
36	Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn quốc	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã; các doanh nghiệp viễn thông, Internet	Hạ tầng số được hoàn thiện	Thường xuyên
37	Xây dựng ngành công nghiệp IoT và một số khu công nghiệp chuyên biệt phát triển IoT; Chuyển đổi số các	Ban Quản lý các Khu Công	Sở Khoa học và Công nghệ; Các Sở,		Sau khi có Chương trình

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng IoT để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh; Thúc đẩy, phát triển một số ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghiệp IoT như sản xuất, thương mại, năng lượng, nông nghiệp, giao thông, y tế,...; Chuyển đổi số các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng IoT để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh	ngành	ban, ngành; UBND cấp xã		của Trung ương ban hành, có hiệu lực
38	Triển khai thực hiện, xây dựng các chính sách ưu đãi để thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài đặt Trung tâm dữ liệu trên địa bàn tỉnh	Trung tâm Xúc tiến và hỗ trợ Đầu tư	Ban Quản lý các khu công nghiệp; các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Chính sách được ban hành	Quý I/2026
39	Tổ chức khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	CSDL được triển khai	Thường xuyên (sau khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương)
40	Thực thi đầy đủ các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên (sau khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương)
41	Triển khai thực hiện đẩy mạnh ứng dụng AI trong các giải pháp phát triển các ứng dụng công nghệ số trong ngành, lĩnh vực, địa phương, gắn với công tác quản lý	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản/ứng dụng được triển khai	Quý II/2026

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	nhà nước trên lĩnh vực bảo đảm theo hướng đi tắt, đón đầu				
42	Triển khai thực hiện Đề án ứng dụng AI dựa trên dữ liệu lớn đối với một số ngành, lĩnh vực quan trọng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản/ứng dụng được triển khai	Năm 2026
43	Triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược bao gồm đề án Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm, tập trung cho công nghệ chiến lược	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
44	Triển khai thực hiện Đề án đầu tư năng lực cho các tổ chức nghiên cứu phát triển công lập.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính và các sở, ngành	Văn bản triển khai	Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
45	Triển khai thực hiện các Đề án triển khai cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược trong các ngành, lĩnh vực	Các Sở, ngành	Các Sở, ngành	Văn bản triển khai	Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
46	Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Nghị quyết Hội đồng nhân dân, Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Hàng năm
47	Triển khai cơ chế, chính sách ppp để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; cơ chế, chính sách ppp để nghiên cứu và phát triển hạ tầng số mới, dịch vụ số mới,	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản triển khai	Sau khi có Quyết định của Thủ tướng

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	dữ liệu; cơ chế, chính sách ppp để đào tạo nhân lực công nghệ số				Chính phủ
48	Tổ chức triển khai các chiến lược, chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng, khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các ngành công nghiệp chiến lược	Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên (Sau khi có hướng dẫn của Trung ương)
49	Triển khai hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính và Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Sau khi có Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
50	Tổ chức ứng dụng AI dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
51	Triển khai các quy định về ưu đãi đầu tư, thuê, mua các sản phẩm, dịch vụ số	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản hướng dẫn thực hiện	Sau khi có quy định, hướng dẫn của Trung ương
52	Triển khai áp dụng danh mục, kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực, vùng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản hướng dẫn thực hiện	Sau khi có quy định, hướng dẫn của Trung ương
53	Triển khai thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án về ppp trong phát triển hạ tầng số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành	Văn bản hướng dẫn	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
				thực hiện	
54	Xây dựng, ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2025-2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch được ban hành	Tháng 11/2025
55	Xây dựng và triển khai các Đề án đô thị thông minh	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ; Các xã, phường đủ điều kiện; Các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan	Đề án được duyệt	Sau khi có quy định, hướng dẫn của Trung ương
56	Rà soát quy hoạch phát triển điện lực để đảm bảo đáp ứng nguồn điện xanh - sạch, đảm bảo dự phòng cao cho các trung tâm dữ liệu.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản triển khai	Sau khi có quy định, hướng dẫn của Trung ương
57	Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực (<i>nông nghiệp; du lịch; logistics; công nghiệp, chế biến chế tạo,...</i>)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản hướng dẫn thực hiện	Tháng 12/2025
58	Xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo trên cơ sở nâng cấp Trung tâm Ứng dụng và Đổi mới sáng tạo tỉnh Phú Thọ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành có liên quan	Dự án được triển khai	Giai đoạn 2026-2030

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
59	Triển khai nâng cấp, hiện đại hóa hạ tầng số phục vụ hoạt động chính quyền địa phương 02 cấp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Dự án, nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2026-2030
60	Xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Dự án, nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2026-2030
61	Đầu tư nâng cao năng lực kiểm định, kiểm nghiệm cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Dự án, nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2026-2030
62	Triển khai Trung tâm giám sát an ninh mạng tập trung	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Dự án, nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2026-2030
IV	Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia				
63	Tập trung nguồn lực để thực hiện các chương trình, đề	Sở Nội vụ, Sở	Các Sở, ban, ngành;	Đề án/Chương	Giai đoạn

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	án phát triển nguồn nhân lực đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Triển khai xây dựng, thực hiện kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh	Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Hùng Vương, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề	UBND cấp xã	trình/Kế hoạch triển khai	2025-2030
64	Xây dựng và triển khai Đề án, Kế hoạch Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-3030	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Đề án/Chương trình/Kế hoạch triển khai	Quý I/2026
66	Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; thực hiện số hóa hạ tầng - nền tảng, số hóa nội dung - chương trình, số hóa phương pháp - mô hình dạy học và số hóa quản lý - kiểm định chất lượng giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản hướng dẫn thực hiện	Nhiệm vụ thường xuyên
66	Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách, các cuộc thi nhằm phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên.	Sở Giáo dục và Đào tạo; Trường Đại học Hùng Vương, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Đề án/Chương trình/Kế hoạch triển khai	Nhiệm vụ thường xuyên
67	Rà soát, sửa đổi, bổ sung Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục	Trường Đại học Hùng Vương, các cơ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Đề án triển khai	Quý IV/2025

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	và đào tạo giai đoạn 2019-2030, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới.	sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề			
68	Rà soát, sửa đổi quy định về tiêu chuẩn, quy trình công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, tăng quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục đại học và tạo thuận lợi cho thu hút, tuyển dụng giảng viên xuất sắc gắn với bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư.	Trường Đại học Hùng Vương, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề	Trường Đại học Hùng Vương, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề	Quyết định/Quy định/Văn bản triển khai	Quý IV/2025
69	Rà soát, sửa đổi các quy định về chính sách cấp học bổng, miễn giảm học phí cho sinh viên, học viên các ngành STEM phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, những người tham gia các chương trình đào tạo kỹ sư an ninh mạng, vật liệu tiên tiến từ nguồn ngân sách nhà nước.	Trường Đại học Hùng Vương, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề	Trường Đại học Hùng Vương, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề	Quyết định/Quy định/Văn bản triển khai	Quý IV/2025
70	Triển khai các chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ tài năng trong các ngành khoa học cơ bản, các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược; các chương trình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ kỹ thuật viên, đào tạo nghề chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao. Tập trung đầu tư xây dựng một số cơ sở giáo dục đại học, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về AI và các lĩnh vực công nghệ chiến lược khác.	Trường Đại học Hùng Vương, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề	Trường Đại học Hùng Vương, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề; Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương	Kế hoạch/Chương trình đào tạo	Quý II/2026
71	Đổi mới chương trình đào tạo, đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo các ngành STEM; xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến theo tiêu chuẩn quốc tế, phát	Trường Đại học Hùng Vương, các cơ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Đề án/Chương trình/Kế hoạch triển khai	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	triển mô hình giáo dục đại học số kết hợp ứng dụng các công nghệ tiên tiến như AI, không gian ảo.	sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề			
72	Rà soát, sửa đổi quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng loại bỏ đối tượng áp dụng là các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục đại học tư thực không vì lợi nhuận; sửa đổi các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công theo hướng giao quyền tự chủ cao cho các cơ sở giáo dục đại học công lập.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã; Trường Đại học Hùng Vương, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề	Văn bản triển khai	Quý IV/2025
73	Rà soát, đề xuất với Bộ, ngành Trung ương sửa đổi các quy định về ưu đãi thuế và tín dụng cho các hoạt động đầu tư, tài trợ, hợp tác đào tạo và nghiên cứu của doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ công lập.	Sở Tài chính	Trường Đại học Hùng Vương, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề	Văn bản triển khai	Năm 2026
74	Đề xuất với Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi về thuế, cơ chế tài chính để khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số, tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho các mô hình ppp (PPP) trong đào tạo nhân lực công nghệ số, xây dựng quy chế phối hợp giữa các bên (Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu).	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã liên quan; Trường Đại học Hùng Vương, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề	Văn bản triển khai	Năm 2026
75	Phát triển mạng lưới giảng viên, nhà khoa học và chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài, kết nối với mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học quốc tế theo các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược.	Trường Đại học Hùng Vương, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã liên quan	Đề án/Chương trình/Kế hoạch triển khai	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
76	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế xác định nhu cầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược đáp ứng nhu cầu nhân lực thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực, địa phương	Trường Đại học Hùng Vương, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng nghề	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Thường xuyên
77	Rà soát, xây dựng, triển khai áp dụng các chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyên đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và các Sở, ban, ngành liên quan	Văn bản triển khai	Thường xuyên
78	Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách thu hút nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, nhất là các nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia cao cấp trong nước và nước ngoài, chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân có trình độ chuyên môn cao tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại tỉnh (chính sách về tiền lương, nhà ở, điều kiện làm việc,...)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã liên quan	Văn bản triển khai	Quý II/2026
79	Tập hợp, vận động các trí thức khoa học và công nghệ ở trong và ngoài tỉnh tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phong trào thi đua học tập, lao động sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị và nhân dân. Đổi mới, nâng cao chất lượng tổ chức các cuộc thi sáng tạo thanh, thiếu niên, nhi đồng; Hội thi sáng tạo kỹ thuật; giải thưởng Hùng Vương về	Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Đề án/Chương trình/Kế hoạch triển khai	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	khoa học và công nghệ tỉnh Phú Thọ; tôn vinh các sáng chế, giải pháp hữu ích, danh hiệu trí thức tiêu biểu.				
80	Xây dựng Đề án phát triển, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ chuyên gia đầu ngành phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2025
81	Đề án rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học công nghệ công lập; tổ chức đánh giá, sáp nhập giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động không hiệu quả để tập trung đầu tư có trọng tâm trọng điểm cho các tổ chức mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2025
82	Xây dựng cơ chế để nhà khoa học trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập có thể thành lập, điều hành hoặc tham gia phát triển công nghệ tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành	Quy định pháp luật liên quan	Quý IV/2025
V.	Tập trung nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ trọng điểm; Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh				
83	Xây dựng và ban hành Kế hoạch hằng năm để tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển khoa học trọng điểm giai đoạn 2026 – 2030 (<i>các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học lớn</i>)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch của UBND tỉnh	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
84	Tập trung tham mưu triển khai Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 55-NQ/TU ngày 13/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án phát triển chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Thường xuyên
85	Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã	Kế hoạch của UBND tỉnh	Tháng 11/2025
86	Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số	Công an tỉnh	UBND cấp xã	Chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Thường xuyên
87	Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Thường xuyên
88	Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Truyền thông giai đoạn 2026-2030 gồm các nội dung: Số hóa di sản văn hóa; xây dựng CSDL di sản văn hóa của tỉnh; Xây dựng CSDL chuyên ngành văn hóa và các ứng dụng phục vụ công tác quản lý ngành văn hóa, thể thao, du lịch; Số hóa di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh, ưu tiên số hóa các di sản đã được xếp hạng; Xây dựng Mô hình du lịch thông minh ứng dụng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch của UBND tỉnh	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	các tiện ích của Đề án 06 và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; Triển khai các hoạt động báo chí, truyền thông số				
89	Triển khai các biện pháp quyết liệt, xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã		Thường xuyên
90	Xây dựng nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu hệ thống giao thông thông minh.	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Thường xuyên
91	Phát triển các ứng dụng AI hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.	Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh; Công an Tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Đề án, dự án, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Giai đoạn 2025-2030
92	Hoàn thành việc triển khai các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số, bảo đảm kết nối với Đề án 06, gồm:				
92.1	Kết nối với sàn giao dịch việc làm quốc gia	Sở Nội vụ	Công an tỉnh	Hoàn thành triển khai, đảm bảo kết nối Đề án 06	Quý IV/2025
92.2	Ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước công dân, định danh và xác thực điện tử góp phần chuyển đổi số trong lĩnh	Ngân hàng Nhà nước chi	Công an tỉnh	Hoàn thành triển khai,	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	vực ngân hàng	nhánh Khu vực IV		đảm bảo kết nối Đề án 06	
92.3	Triển khai mô hình du lịch thông tin tỉnh Phú Thọ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã liên quan	Hoàn thành triển khai, đảm bảo kết nối Đề án 06	Quý IV/2025
92.4	Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 18 chống thất thu thuế, đảm bảo an ninh tiền tệ trên nền tảng thương mại điện tử	Thuế tỉnh Phú Thọ	Công an tỉnh	Hoàn thành nhiệm vụ theo Chỉ thị 18	Tháng 11/2025
93	Triển khai hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử.	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Các hoạt động được triển khai	Quý IV/2025
94	Nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử.	Sở Công thương	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã liên quan	Đề án/Dự án/Chương trình triển khai	Sau khi có hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ Công an
95	Xây dựng, triển khai các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Thường xuyên (theo hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ của Bộ Công an)
96	Triển khai thực hiện các quy định đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của hệ thống chính trị	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả	Thường xuyên

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
97	Xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ được triển khai	Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
98	Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức PPP.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch	Năm 2025 (Sau khi có Kế hoạch của Trung ương)
99	Triển khai thực hiện Chương trình cắt giảm giấy phép tại các sở, ngành, địa phương và chuyển một số nhiệm vụ, hoạt động cấp phép doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhiệm giai đoạn 2025-2030	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Sau khi có Nghị quyết của Chính phủ
100	Triển khai thực hiện quy chế văn hóa số cộng đồng, quy tắc ứng xử trên không gian mạng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Tháng 10/2025
101	Xây dựng, triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực Văn hóa và du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2025 (Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ)
102	Triển khai thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về an toàn thông tin mạng.	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sau khi có Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
103	Triển khai thực hiện Đề án phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sau khi có Quyết định

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	muu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng				của Thủ tướng Chính phủ
104	Đề nghị các doanh nghiệp cung cấp chữ ký số công cộng có chế độ ưu đãi cấp chữ ký số cho các cơ sở y tế, cán bộ, nhân viên y tế và miễn phí cấp chữ ký số cho người bệnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Y tế	Các cơ sở y tế và người bệnh có chữ ký số để tham gia các hoạt động khám chữa bệnh	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương
105	Triển khai áp dụng Bộ chỉ số, Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch	Tháng 12/2025
106	Triển khai kinh tế ban đêm (thuộc nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số, bảo đảm kết nối với Đề án 06)	UBND cấp xã	Công an tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài chính	Tổ chức triển khai, đảm bảo kết nối Đề án 06	Tháng 12/2025
VI.	Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp				
107	Rà soát, xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ban, ngành liên quan; UBND cấp xã; các Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, hộ kinh doanh.		Tháng 11/2025
108	Triển khai thực hiện các quy định về lập các cơ sở nghiên cứu chính sách về công nghệ số, chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; các Doanh nghiệp	Văn bản triển khai	Sau khi có quy định, hướng

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	tại các doanh nghiệp để nghiên cứu, ứng dụng, hợp tác chuyển giao những thành tựu công nghệ số hiện đại từ nước ngoài vào trong nước; Lập các cơ sở nghiên cứu chính sách về công nghệ số và chuyển giao những thành tựu công nghệ số hiện đại từ nước ngoài vào trong nước		liên quan		dẫn của Trung ương
109	Triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.	Sở Tài chính	Các Doanh nghiệp	Quyết định của UBND tỉnh	Sau khi có quy định, hướng dẫn của Trung ương
110	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Quyết định của UBND tỉnh	Hàng năm
111	Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Chương trình/Kế hoạch của UBND tỉnh	Thường xuyên
112	Tổ chức triển khai Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch của UBND tỉnh	Tháng 10/2025
113	Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Các bài toán được công bố trên Cổng TTĐT	Hàng năm
114	Triển khai áp dụng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; công bố danh mục các	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Sau khi có quy định, hướng dẫn của Trung

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện				ương
115	Triển khai áp dụng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư cho chuyển đổi số quốc gia. Xây dựng công cụ đánh giá trực tuyến và định kỳ tổ chức đánh giá, công bố kết quả.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Quyết định của UBND tỉnh	Sau khi có quy định, hướng dẫn của Trung ương
116	Triển khai áp dụng chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, logistics, du lịch,...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn bản triển khai	Thường xuyên
117	Thường xuyên rà soát, xây dựng cơ chế thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh Phú Thọ theo nguyên tắc: sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực Phú Thọ đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ; có đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển với tỷ lệ 1% - 3% doanh thu.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Cơ chế, chính sách được triển khai	Thường xuyên
118	Phát triển cơ sở dữ liệu công tác dân tộc và xây dựng cơ sở dữ liệu công tác tín ngưỡng, tôn giáo	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	CSDL được triển khai	Quý I/2026
VII.	Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
119	Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư, kêu gọi các tập đoàn công nghệ lớn, các tổ chức nghiên cứu hàng đầu trên thế giới đầu tư vào Phú Thọ trong lĩnh vực: Công nghệ cao, công nghệ sạch, chế biến chế tạo; công nghiệp	Sở Tài chính	Trung tâm hỗ trợ xúc tiến và đầu tư, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các Sở,	Quyết định	Hàng năm

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì/Theo dõi	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
	bán dẫn, công nghiệp văn hóa, năng lượng tái tạo; công nghệ sinh học.v.v.		ban, ngành; UBND cấp xã liên quan		
VIII	Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ				
120	Thường xuyên rà soát, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị theo phân công.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo	Thường xuyên
121	Xây dựng và vận hành hệ thống giám sát, đánh giá trực tuyến kết quả thực hiện kế hoạch của các cơ quan, đơn vị trên nền tảng số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Nhiệm vụ được triển khai	Thường xuyên
122	Thực hiện các chương trình kiểm tra theo kế hoạch, đột xuất để kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Kế hoạch	Thường xuyên